

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 20/2020/DS-PT

Ngày 24/6/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng bảo
hiểm tàu cá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương
Ông Trần Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Đào
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04, 19 và 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2020/QĐ- PT ngày 17 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 33/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2020/QĐPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 377/TB-TA ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn L - sinh năm 1981; cư trú tại thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Ất – sinh năm – sinh năm 1975; địa chỉ liên hệ: Số 301 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/4/2020).

- Bị đơn: Tổng Công ty Bảo hiểm B.

Địa chỉ: Số 104 đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền thứ nhất: Ông Phạm Ngọc B - Trưởng phòng bảo hiểm 2 - Công ty B Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền thứ hai: Ông Nguyễn Thành N - Trưởng phòng bảo hiểm 1- Công ty B Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền số 6842/UQ –BHBV ngày 18/11/2019).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Địa chỉ: Số 198 đường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đào T - Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Dung Quất.

(Theo văn bản ủy quyền số 339/UQ-VCB-PC ngày 01/11/2019).

Ông Nguyễn Đào T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thành T - Phó phòng phụ trách Phòng Khách hàng - Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Dung Quất.

(Theo văn bản ủy quyền số 704/UQ-DQU-HCNS ngày 05/6/2020).

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đông Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Đỗ Thị N - sinh năm 1985; cư trú tại thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị N: Ông Huỳnh Ngọc Ất – sinh năm – sinh năm 1975; địa chỉ liên hệ: Số 301 đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/4/2020).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là Tổng Công ty Bảo hiểm B.

(Ông Ất, ông B, ông N, ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2019, Đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2019, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 12/7/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Văn L do ông Huỳnh Ngọc Ất là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 03/4/2018, Công ty B Quảng Ngãi (viết tắt là B Quảng Ngãi) thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm B (viết tắt là B) có bán bảo hiểm tàu cá QNg - 97417 - TS do ông Trần Văn L làm chủ tàu. Theo hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66 ngày 03/4/2018, ông L mua bảo hiểm thân tàu cá (vỏ +

máy) với số tiền bảo hiểm là 4.000.000.000 đồng; phí bảo hiểm là 12.000.000 đồng; thời hạn bảo hiểm là 03 tháng từ 11h00' ngày 03/4/2018 đến 11h00' ngày 03/7/2018.

Ngày 25/5/2018, tàu cá QNg - 97417-TS xuất bến lúc 19h00' từ Cửa Hội Nghệ An để đi hành nghề khai thác thủy hải sản (hành nghề giã cào đôi cùng với tàu QNg - 92418 - TS). Khoảng 03h00' - 04h00' ngày 30/5/2018, tàu cá QNg - 97417-TS đang hoạt động tại tọa độ 15°08'N/109°12'E (ngang Cửa Đại thành phố Q), thì trong buồng máy phát cháy dữ dội không rõ nguyên nhân, kèm theo là những tiếng nổ lớn. Các Thuyền viên và người lao động trên tàu QNg - 92418 - TS đã đến cứu nhưng do ngọn lửa bùng phát quá lớn nên không thể cứu chữa được.

Tổng thiệt hại của tàu cá QNg - 97417 - TS là 6.000.000.000 đồng chưa tính hao tổn về ngư lưới cụ. Ông L làm đơn yêu cầu B bồi thường thiệt hại, nhưng bị từ chối với lý do: Lúc tàu cá bị tai nạn, trên tàu cá không có Thuyền trưởng hoặc Máy trưởng hoặc Thuyền trưởng và Máy trưởng không có chứng chỉ chuyên môn theo quy định. Việc B từ chối bảo hiểm là không có căn cứ vì ông L không được B Quảng Ngãi giải thích về Quy tắc và cũng không được nhận Quy tắc bảo hiểm; không được nhận bản chính, bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá và Hợp đồng bảo hiểm tàu cá, nên ông L không biết được các quy định loại trừ. Theo ông L hiểu thì khi tàu cá hoạt động chỉ cần có Thuyền trưởng là đủ.

Nay, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc B phải bồi thường cho ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị N số tiền bảo hiểm là 4.000.000.000 đồng vì tàu cá QNg - 97417 - TS là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà N; ông L, bà N đã thế chấp tàu cá để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Dung Quất (viết tắt là Ngân hàng - Chi nhánh Dung Quất) nên ông L yêu cầu B chuyển số tiền bồi thường cho Ngân hàng là người thụ hưởng để ông L, bà N trả nợ khoản vay cho Ngân hàng - Chi nhánh Dung Quất.

** Tại bản tự khai ngày 06/05/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là Tổng Công ty Bảo hiểm B do ông Phạm Ngọc B và ông Nguyễn Thành N là người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:*

B Quảng Ngãi là Công ty thành viên, hạch toán phụ thuộc Bảo Việt. B Quảng Ngãi có bán bảo hiểm cho tàu cá QNg - 97417 - TS do ông Trần Văn L làm chủ tàu cá theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66. Ông L đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ đúng hạn. Thời hạn xảy ra tổn thất nằm trong thời hạn của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá. Ngày 25/5/2018, tàu cá QNg - 97417 - TS do Thuyền trưởng Đỗ Văn Đ điều khiển xuất bến tại Cửa Hội, Nghệ An ra khơi với 02 thuyền viên đi khai thác giã cào đôi trên vùng biển Quảng Ngãi cùng tàu cá QNg - 92418 - TS. Đến khoảng 04h00' ngày 30/5/2018, khi đang khai thác tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi, tàu cá QNg - 97417 - TS bất ngờ phát cháy và bị chìm, gây hư hỏng toàn bộ thân vỏ, máy móc, ngư lưới cụ và trang thiết bị tàu cá; 02 thuyền viên bị bỏng mức độ khác nhau. Sau khi nhận được thông báo sự cố tàu cá QNg - 97417 - TS, B Quảng Ngãi đã chỉ định Công ty

TNHH Giám định Trung Đông (MID) tiến hành giám định nguyên nhân, mức độ tổn thất. Ngày 31/5/2018, MID đã chuyển cho B Quảng Ngãi Báo cáo giám định sơ bộ ban đầu vụ việc. Căn cứ vào Báo cáo và biên bản ghi lời khai của người biết sự việc, MID thông báo tại thời điểm xảy ra tổn thất, Thuyền viên trên tàu không có chứng chỉ Máy trưởng theo quy định. Ngày 11/6/2018, ông L gửi đơn và yêu cầu B bồi thường sự cố cháy và chìm đắm tàu cá QNg -97417 - TS với số tiền 6.000.000.000 đồng. Ngày 10/12/2018, B đã có Công văn số 10248/BHBV-GĐBTHH gửi B Quảng Ngãi về việc từ chối bồi thường tàu cá QNg -97417 - TS vì tổn thất xảy ra trong trường hợp trên tàu không có Thuyền trưởng, Máy trưởng với bằng cấp phù hợp theo quy định.

Nay, ông L yêu cầu B bồi thường thiệt hại tàu cá QNg - 97417-TS với số tiền 4.000.000.000 đồng, B không đồng ý vì tại thời điểm xảy ra tổn thất, trên tàu cá QNg – 97417 - TS chỉ có ông Đỗ Văn Đ là Thuyền trưởng, Thuyền viên Trần Nhật N không có chứng chỉ Máy trưởng theo quy định nên không thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

** Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 02/5/2018, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (viết tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Thành T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Trần Văn L thế chấp 02 tàu cá QNg - 97417 - TS và QNg - 92418 – TS để bảo đảm cho các khoản vay của ông L tại Ngân hàng – Chi nhánh Dung Quất theo các Hợp đồng tín dụng số 684/2014/DQ-QT ngày 11/9/2014; số 2235/2016/DQ ngày 01/12/2016; số 2365/2016/DQ ngày 21/12/2016; số 1381/2017/DQ ngày 17/7/2017; số 1591/2017/DQ ngày 11/8/2017; số 2788/2017/DQ ngày 13/12/2017 và số 910/2018/DQ ngày 06/4/2018 với số tiền nợ gốc vay còn lại là 4.997.405.928 đồng và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 02/5/2018 là 619.605.463 đồng. Theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18HD66 ngày 03/04/2018 được ký kết giữa B Quảng Ngãi, ông L và Ngân hàng – Chi nhánh Dung Quất thì Ngân hàng – Chi nhánh Dung Quất là người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm. Tàu cá QNg – 97417 – TS của ông L bị sự cố cháy tàu dẫn đến chìm tàu tại vùng biển Quảng Ngãi. Việc B từ chối bồi thường bảo hiểm cho ông L là không có căn cứ, gây thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm và xâm phạm đến quyền lợi của Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc B phải có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông L, người thụ hưởng trực tiếp là Ngân hàng để ông L thanh toán tiền vay cho Ngân hàng.

** Tại bản tự khai ngày 22/7/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị N trình bày: Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn là ông Trần Văn L, chồng của bà. Bà không bổ sung gì khác.*

** Bản án số 83/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải trả tiền bảo hiểm tàu cá cho ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị N số tiền 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ*) do xảy ra thiệt hại tàu cá QNg – 97417 - TS theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC18.HD66 ngày 03/4/2018 giữa Tổng Công ty Bảo hiểm B với ông Trần Văn L. Số tiền bồi thường của Tổng Công ty Bảo hiểm B được chuyển vào tài khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Dung Quất là người thụ hưởng để Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, ông L và bà N tính toán giải quyết khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 02/12/2019, Tổng Công ty Bảo hiểm B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Tại phiên tòa, Tổng Công ty Bảo hiểm B thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại các Điều 285, 286, 287, 290, 294, 298 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của Tổng Công ty Bảo hiểm B làm trong hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Bảo hiểm B; sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn L về việc khấu trừ 2% số tiền bảo hiểm/vụ là 80.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá ngày 03/4/2018 và tính lại tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Quyết định số 2586/QĐ-VCB-TCNS ngày 25/10/2019 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (viết tắt là Ngân hàng) về việc giao nhiệm vụ phụ trách điều hành cho ông Nguyễn Đào T - Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Dung Quất (viết tắt là Ngân

hàng – Chi nhánh Dung Quất) kể từ ngày 01/11/2019, thì tại thời điểm ngày 01/11/2019, ông Võ Văn L không còn là Giám đốc Ngân hàng – Chi nhánh Dung Quất, nhưng tại bản án số 83/2019/DS-ST ngày 20/11/2019, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng theo văn bản ủy quyền số 457/UQ-DQU-HCNS ngày 02/5/2019 của ông L - Giám đốc Ngân hàng – Chi nhánh Dung Quất. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm đại diện Ngân hàng đã bổ sung đầy đủ thủ tục ủy quyền; ông Nguyễn Đào T cũng đã có văn bản trình bày đồng ý với các ý kiến của ông Nguyễn Thành T trình bày tại các phiên tòa sơ, phúc thẩm và tiếp tục ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đây là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn là Tổng Công ty Bảo hiểm B (viết tắt là B), Hội đồng xét xử nhận thấy: B cho rằng tại thời điểm tàu cá QNg – 97417 - TS của ông Trần Văn L làm chủ tàu xảy ra tổn thất, trên tàu chỉ có ông Đỗ Văn Đ có chứng chỉ Thuyền trưởng và Thuyền viên Trần Nhật N, không có Thuyền viên có chứng chỉ Máy trưởng hạng tư theo quy định nên không thuộc phạm vi bảo hiểm. Do đó, B từ chối bồi thường được quy định tại Quy tắc bảo hiểm tàu cá (viết tắt là Quy tắc) và được quy định cụ thể tại trang 2 của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66 ngày 03/4/2018.

Tại phiên tòa ngày 04/6/2010, nguyên đơn (do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) cho rằng, nguyên đơn không được nhận Hợp đồng bảo hiểm tàu cá cũng như Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá, mặc dù đã đóng đủ phí bảo hiểm, chỉ đến khi chuẩn bị hồ sơ khởi kiện (sau khi tàu cá xảy ra tai nạn), nguyên đơn mới yêu cầu Ngân hàng – Chi nhánh Dung Quất cung cấp cho nguyên đơn Hợp đồng bảo hiểm tàu cá và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá, nhưng Ngân hàng – Chi nhánh Dung Quất chỉ photo mặt trước của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá nên nguyên đơn không biết được những quy định loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, chỉ đến khi hòa giải tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn mới biết B có quy định những trường hợp không thuộc phạm vi bảo hiểm ở mặt sau (trang 2) của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá.

Tại phiên tòa ngày 19/6/2020, sau khi Hội đồng xét xử công bố: Đơn xin từ bỏ tàu, Thông báo tổn thất và Giấy yêu cầu bồi thường cùng đề ngày 11/6/2018 (bút lục 67, 72, 76) của ông Trần Văn L, trong đó có ghi thông tin Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66 cấp ngày 03/4/2018, có hiệu lực từ 11h00' ngày 03/4/2018 đến 11h00' ngày 03/7/2018 gửi B, thì nguyên đơn đính chính lời trình bày cho rằng nguyên đơn chỉ nhận Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá khi làm thủ tục yêu cầu B bồi thường, nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chỉ khi nguyên đơn chuẩn bị hồ sơ khởi kiện, sau đó đính chính lại là khi làm hồ sơ yêu cầu B bồi thường, nguyên đơn mới nhận được mặt trước của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá và đến khi hòa giải tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn mới biết được mặt sau của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá có in những trường hợp không thuộc phạm vi bảo hiểm quy định.

Tại phiên tòa, B thừa nhận không giao Qui tắc cho ông L, nhưng khẳng định khi bà Đỗ Thị N, vợ của ông L đóng đủ phí bảo hiểm vào ngày 14/4/2018, B đã giao bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (có đóng dấu đỏ) cho bà N, còn bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá, B giao cho Ngân hàng, nhưng không lập biên bản giao nhận.

Tuy nhiên, tại bản tự khai không đề ngày tháng năm 2019 (bút lục 123), ông L trình bày: ... *sau khi ký hợp đồng bảo hiểm, ông đóng phí bảo hiểm theo đúng thỏa thuận và sau đó nhận được giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá do Công ty B cấp đề ngày 03/4/2018* và tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/8/2019 (bút lục 228), bà N cũng trình bày: ... *sau khi ký hợp đồng bảo hiểm, tôi đóng phí bảo hiểm theo đúng thỏa thuận và sau đó nhận giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá cấp ngày 03/4/2018. Toàn bộ hợp đồng là do Công ty B tự soạn, không có mặt ba bên, tôi chỉ nhận giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá, B không giao cho tôi bộ Qui tắc bảo hiểm thân tàu cá...*

Ngoài ra, tại phiên tòa B cung cấp cho Hội đồng xét xử bộ hồ sơ Báo cáo giám định cuối cùng về tổn thất tàu QNg – 97417 – TS của Công ty TNHH Giám định Trung Đông, trong đó có Công văn số 011 /GĐTĐ ngày 04/6/2018 của Công ty TNHH Giám định Trung Đông gửi chủ tàu cá QNg -97417 - TS, người nhận là ông Trần Văn L về việc yêu cầu ông L cung cấp hồ sơ liên quan đến tổn thất tàu cá QNg – 97417 – TS. Tại phụ lục II: Hồ sơ tàu QNg – 97417 - TS thể hiện tại mục thứ 7 có Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66 có 02 mặt, trong đó mặt sau có thể hiện rõ những trường hợp không thuộc phạm vi bảo hiểm và tại mặt trước *không có chữ ký và dãy số 14/4/2018* mà tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận ngày 14/4/2018 là ngày bà N đóng phí bảo hiểm. Theo văn bản trình bày của ông Phạm Ngọc B đề ngày 19/6/2020, thì chỉ có bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66 lưu tại B Quảng Ngãi mới có *chữ ký* (xác nhận của Phòng Tài chính – Kế toán của B Quảng Ngãi) và dãy số *14/4/2018* là bà N nộp tiền là hoàn toàn có cơ sở, bởi lẽ bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (bút lục 223) lưu tại Ngân hàng, do Ngân hàng cung cấp không có *chữ ký* và dãy số *14/4/2018*. Tại phiên tòa, ông L thừa nhận ông có Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá là do Ngân hàng cung cấp, nên có cơ sở xác định Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (đều in chữ ở hai mặt) nhưng không có *chữ ký* và dãy số *14/4/2018* được lưu tại Báo cáo giám định cuối cùng của Công ty TNHH Giám định Trung Đông là do ông L cung cấp là phù hợp.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định ông L, bà N đã nhận được Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá ngay sau khi đóng đủ phí bảo hiểm như B Quảng Ngãi trình bày là phù hợp.

[2.2] Tại mặt sau (trang 2) của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá đã quy định rõ những trường hợp không thuộc phạm vi bảo hiểm, B không chịu trách nhiệm bồi thường, trong đó có quy định *Thuyền trưởng, máy trưởng không có bằng theo quy định*.

Tại khoản 3 Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 77/2008/QĐ-BNN ngày 30/6/2008 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quy chế bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, nghiệp vụ thuyền viên và thợ máy tàu cá (viết tắt là Quyết định 77) quy định: *Khi tham gia các hoạt động thủy sản trên tàu cá, thuyền trưởng, máy trưởng phải có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng hạng tương ứng với loại tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính như sau: Tổng công suất máy chính của tàu (sức ngựa) từ 400 trở lên thì phải có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng hạng 4.*

Theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 1365/QLTC&CSHCNC của Cơ quan Đăng kiểm tàu cá Đà Nẵng cấp ngày 18/12/2017 (viết tắt là Giấy chứng nhận an toàn) thì tàu cá QNg – 97417 - TS có tổng công suất 620CV, số thuyền viên là 03 người. Tại Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá do ông Trần Văn L đăng ký tại Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Ngãi ngày 15/12/2016 đối với tàu cá QNg – 97417 - TS thể hiện có hai chức danh Thuyền trưởng và Máy trưởng. Tại Công văn số 193/CCTS-ĐKTC ngày 31/3/2020 của Chi cục Thủy sản thành phố Đà Nẵng có nội dung: *“Đối với tàu cá QNg – 97417 - TS đã được đăng kiểm viên tàu cá kiểm tra vào ngày 13/12/2017 và Chi cục Thủy sản Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật ngày 18/12/2017 đúng quy định. Theo quyết định số 96/2007/QĐ-BNN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quy định về số lượng thuyền viên tối thiểu nên đăng kiểm viên chỉ căn cứ số lượng thuyền viên thực tế trên tàu để kiểm tra trang thiết bị an toàn cá nhân quy định”*. Tại biên bản làm việc ngày 19/3/2020, Giám đốc Trung tâm đăng kiểm tàu cá Quảng Ngãi cung cấp thông tin: *...tại thời điểm cấp giấy chứng nhận an toàn (năm 2017) thì chưa có văn bản quy định số định biên thuyền viên trên tàu nhưng với tàu cá QNg – 97417 - TS của ông L có công suất 620CV thì bắt buộc phải có thuyền trưởng và máy trưởng khi tham gia hoạt động khai thác thủy sản trên biển theo quy định tại Điều 5 Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh một số ngành nghề thủy sản và Điều 2 mục 2 Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005”*.

Ngoài ra, tại trang 2 (mặt sau) của Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC.18.HD66 ngày 03/04/2018 còn quy định B không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra do: *... tàu thuyền không đủ khả năng hoạt động* . .

Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản (viết tắt là Nghị định 66) quy định: *Đối với chủ tàu cá phải đảm bảo tàu cá luôn ở trạng thái an toàn và tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 66 quy định: Tàu cá khi hoạt động phải thực hiện các quy định . . . có đủ biên chế trên tàu với các chức danh.*

Theo quy định tại điểm c mục 1 phần I Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định 66 (viết tắt là Thông tư 02) quy định: *Chủ tàu có trách nhiệm đảm bảo trên tàu cá khi hoạt động có đủ*

số lượng thuyền viên đăng ký trong sổ danh bạ thuyền viên và không được vượt quá số người ghi trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.

[2.3] Từ những quy định viện dẫn trên, buộc chủ tàu cá phải biết khi tham gia hoạt động thủy sản phải bảo đảm tàu cá luôn ở trạng thái an toàn. Tuy nhiên, ngày 25/5/2018 khi tàu cá QNg – 97417 - TS của ông L làm thủ tục xuất bến tại Cửa Hội, Nghệ An để hành nghề khai thác thủy sản thì có 02 thuyền viên có chứng chỉ Thuyền trưởng và Máy trưởng như đăng ký trong Sổ danh bạ thuyền viên, nhưng khi tàu cá QNg – 97417 - TS xảy ra tai nạn làm chìm tàu tại vùng biển Quảng Ngãi thì trên tàu chỉ có ông Đỗ Văn Đ có chứng chỉ Thuyền trưởng hạng tư, còn Thuyền viên Trần Nhật N, không có chứng chỉ Máy trưởng hạng tư theo quy định tại Quyết định 77. Tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận khi làm thủ tục xuất bến có đầy đủ Thuyền trưởng và Máy trưởng, đến khi xuất bến thì Máy trưởng là ông Đỗ Văn Ngọc có việc gia đình nên không đi được. Do đến giờ xuất bến nên phải xuất bến mà không có Máy trưởng.

Như vậy, tại thời điểm xảy ra tai nạn, trên tàu cá QNg – 97417 - TS không có thuyền viên có chứng chỉ Máy trưởng hạng tư là không bảo đảm an toàn, nhưng chủ tàu là ông L vẫn cho tàu xuất bến để khai thác thủy sản là không đúng theo các quy định đã viện dẫn ở trên, nên B từ chối bồi thường là có căn cứ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông L, buộc B bồi thường thiệt hại tàu cá là không có căn cứ. Do đó, kháng cáo của B là có cơ sở, được chấp nhận; sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông L.

[2.4] Về án phí: Ông L phải chịu 112.000.000 đồng (*một trăm mười hai triệu*) án phí dân sự sơ thẩm [4.000.000.000 đồng = 72.000.000 đồng + (2 % x 2.000.000.000 đồng)], nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.000.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0000475 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Ông L còn phải nộp 84.000.000 đồng (*tám mươi bốn triệu*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho B 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0003167 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không phù hợp với nhận định trên, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 77/2008/QĐ-BNN ngày 30/6/2008 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành quy chế bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, nghiệp vụ thuyền viên và thợ máy tàu cá; Điều 5 Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh một số

ngành nghề thủy sản và Điều 2 mục 2 Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005; khoản 1 Điều 5 và điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính Phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; điểm c mục 1 phần I Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính Phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Tổng Công ty Bảo hiểm B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải bồi thường bảo hiểm cho ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị N số tiền 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ*) theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC18.HD66 ngày 03/4/2018 giữa Công ty B Quảng Ngãi với Chủ tàu cá QNg – 97417 - TS do ông Trần Văn L – Chủ tàu cá đại diện cùng Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Dung Quất và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số QNG.D01.TC18.HD66 cho người được bảo hiểm là ông Trần Văn L do Công ty B Quảng Ngãi cấp ngày 03/4/2018.

2. Về án phí: Ông Trần Văn L phải chịu 112.000.000 đồng (*một trăm mười hai triệu*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.000.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0000475 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Ông L còn phải nộp 84.000.000 đồng (*tám mươi bốn triệu*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tổng Công ty Bảo hiểm B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Tổng Công ty Bảo hiểm B 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0003167 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND T.P Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan